

Bản án số: 14 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2024

V/v: Không công nhận vợ chồng.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Cẩm Vân và bà Hoàng Thị Thu Lâm

- Thư ký phiên tòa: Phan Thị Khánh Huyền - Thư ký TAND thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện VKSND thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị V -  
Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2024 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu A, sinh năm: 1968; Nơi cư trú: Thôn T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, (có mặt)

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Thôn T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2024, bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được, lời khai tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Ông Nguyễn Hữu A và bà Hoàng Thị T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và cũng không đăng ký kết hôn vì bận công việc và cũng do không am hiểu pháp luật. Trong thời gian chung sống ông A và bà T có 01 con chung tên là

**Nguyễn Nhật Đ**, sinh ngày 05/7/2002. Theo ông **A** trình bày, từ lúc chung sống với nhau ông và bà **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Đến nay sự rạn nứt tình cảm giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng dẫn đến hạnh phúc không còn, hai bên đã sống ly thân nhau từ năm 2007 đến nay, nên ông **A** không thể sống chung với bà **T** được nữa, vì thế ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà **T** là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống đến nay ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T** có 01 con chung là **Nguyễn Nhật Đ**, sinh ngày 05/7/2002. Hiện con đã trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường và đã tạo lập cuộc sống riêng nên ông **Nguyễn Hữu A** không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà **Hoàng Thị T** vắng mặt nhưng đã có bản tự khai, Đơn yêu cầu không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 15/6/2024, Đơn yêu cầu không tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/6/2024 bà **Hoàng Thị T** trình bày: Bà **Hoàng Thị T** thừa nhận bà và ông **A** tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2000 cho đến nay nhưng không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn, những lời trình bày trong đơn khởi kiện của ông **A** là đúng sự thật và bà cũng thừa nhận quá trình sống chung giữa đôi bên có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và hiện nay không thể sống chung với nhau được nên bà đồng ý với ông **A** về việc yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Về con chung: Bà **T** đồng ý với trình bày của ông **A** là quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung, hiện con chung **Nguyễn Nhật Đ**, sinh ngày 05/7/2002, con đã trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường và đã tạo lập cuộc sống riêng nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà **T** cũng không bổ sung gì thêm và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông **Nguyễn Hữu A** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T** là vợ chồng. Ngoài ra ông **Nguyễn Hữu A** không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy

định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định; không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Hữu A và bà Hoàng Thị T là vợ chồng.

Ngoài ra đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Đây là tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Hoàng Thị T đang cư trú tại xã K, thị xã K nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] *Về hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã xác định: Ông Nguyễn Hữu A và bà Hoàng Thị T tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Ông Nguyễn Hữu A và bà Hoàng Thị T đăng ký thường trú tại thôn T, xã K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống như vợ chồng từ năm 2000 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu A và bà Hoàng Thị T đều thừa nhận quá trình chung sống ông Nguyễn Hữu A và bà Hoàng Thị T chỉ sống hạnh phúc được khoảng 06 năm, sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau không khắc phục được, nên ông

**Nguyễn Hữu A** yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà **Hoàng Thị T** là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T** đã đến mức không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nên ông **Nguyễn Hữu A** yêu cầu không công nhận ông và bà **T** là vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân giữa ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T** là hôn nhân không hợp pháp, chung sống với nhau không được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn là trái quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T** là phù hợp với khoản 2, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T** xác định quá trình chung sống có 01 con chung là **Nguyễn Nhật Đ**, sinh ngày 05/7/2002. Hiện con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường và đã tạo lập cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông **A** và bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Nguyễn Hữu A** và bà **Hoàng Thị T**.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Hữu A** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm

ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014700 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh.

3. Quyền kháng cáo: Ông **Nguyễn Hữu A** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà **Hoàng Thị T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Các đương sự;
- UBND xã Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh;
- Lưu Hồ sơ; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Đinh Văn Tư**